TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Út

2. Ông Trần Thanh Khen

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long****:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A, khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tuấn C**, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số A, khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Tuấn C trên cơ sở quen biết tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 22/06/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường

xuyên cãi vã. Cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh C không còn sống chung từ khoảng tháng 09/2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị L nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn C.

- Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 30/12/2017 và Nguyễn Ngọc N sinh ngày 09/09/2023 hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Nguyễn Tuấn C đã được tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị L khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Nguyễn Tuấn C có địa chỉ tại phường T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt xét xử. Bị đơn Nguyễn Tuấn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tuấn C kết hôn có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/06/2017 tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn cho rằng từ đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống chung vợ chồng

không còn hạnh phúc. Chị L và anh C không còn sống chung từ khoảng tháng 09/2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh C cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Từ đó cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L.

Vì vậy, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị L và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị L yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: chị L và anh C có có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 30/12/2017 và Nguyễn Ngọc N sinh ngày 09/09/2023 hiện do chị L nuôi dưỡng.

Xét, con chung Nguyễn Ngọc N sinh ngày 09/09/2023 hiện dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao cho chị L nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 30/12/2017 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2025 cháu T trình bày nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ tên Nguyễn Thị L. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu T cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung Nguyễn Tuấn T cho chị L nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: chị L không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn C.

2. Về con chung: Giao con 02 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 30/12/2017 và Nguyễn Ngọc N sinh ngày 09/09/2023 chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006242 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên chị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV1;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết